TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12/02/2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trọng Tảo.

Bà Ngô Thị Thu Hòa.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Đức Quân, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình *tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Phạm Ngọc Nam, là Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trần Khánh L, sinh năm 1996; nơi cư trú: số nhà X đường Y, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: anh Phạm Văn L, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn K, xã V, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa, chị L và anh L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Khánh L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị L và anh Phạm Văn L kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số A, ngày 05 tháng 10 năm 2022. Sau khi kết hôn, chị và anh L chung sống cùng với bố mẹ đẻ của chị. Đời sống vợ chồng hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp nhau. Đến tháng 4 năm 2024, vợ chồng không còn chung sống, anh L đã chuyển đi nơi khác. Kể từ thời điểm đó, hai người không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể kéo dài. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Giữa chị L và anh L không có con chung.

Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: Chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt.

** Đối với bị đơn anh Phạm Văn L:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị L và anh L kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, hai người sống ly thân từ tháng 4 năm 2024. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, yêu cầu ly hôn của chị L là chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị L ly hôn anh L. Về con chung: giữa chị L và anh L không có con chung. Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: Chị L và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét,

giải quyết. Về án phí dân sự: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị L phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của bị đơn, nhưng anh L không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sẽ giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh L.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị L và anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Đời sống vợ chồng giữa chị L và anh L không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau nữa. Xét thấy, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị L ly hôn anh L là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị L và anh L không có con chung.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị L có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh L có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Khánh L ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giữa chị Trần Khánh L và anh Phạm Văn L không có con chung.

3. Về tài sản và các vấn đề khác có liên quan: không giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Trần Khánh L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp 300.000 đồng tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002469 ngày 31 tháng 10 năm 2025, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Khánh L và anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường